

I. CÁC LỚP KHÓA 16, 17, 18

Thứ	Lớp Buổi	16DTH1	16DTH2	16DTH3	17DCNTT1	17DCNTT2	17DCNPM	18DCNTT1	18DCNTT2	18DCNPM
Hai 15/9	S	8 giờ sinh viên các lớp tập trung. Khóa 17 vệ sinh phòng học A5,6,7,8 tại cơ sở 2, khóa 18 vệ sinh phòng học số 13, 14, 15, VP Khoa và phòng Lãnh đạo. Còn các lớp 16DTH1 vệ sinh phòng máy 01, 02; Lớp 16DTH2 vệ sinh phòng máy 03, 04; Lớp 16DTH3 vệ sinh phòng máy 05, 06								
	C	Lắp ráp cài đặt - 4 (T. Nghĩa - P. A5)		Hệ QTCSDL - 4 (T. Hạnh - P. A7)			Phân tích TKHT - 4 (C.Anh - P. A8)			Cơ sở dữ liệu - 3 (C. Trâm - P. 14)
Ba 16/9	S				Lập trình Python - 4 (T. Tuấn - P. A6)		Phân tích YCPM - 3 (C. Lợi - P. A5)	Xác suất thống kê - 4 (T. Linh - P. A7)	Cấu trúc dữ liệu - 4 (T. Viêm - P. A8)	
	C					Hệ điều hành - 4 (T. Hạnh - P. A6)		Lý thuyết đồ thị - 3 (T. Hải - P. A8)		
Tư 17/9	S				Lập trình GDND - 4 (C. Trâm - P. A5)		Mạng máy tính - 4 (T. Toàn - P. A6)	Cấu trúc dữ liệu - 4 (T. Viêm - P. A8)	Xác suất thống kê - 3 (T. Tâm- P. A7)	
	C				Hệ điều hành - 4 (T. Hạnh - P. A5)			Cơ sở dữ liệu - 4 (C. Anh - P. A6)		
Năm 18/9	S					Lập trình GDND - 4 (C. Trâm - P. A6)			Lý thuyết đồ thị - 3 (T. Hải - P. A7)	
	C				Mạng máy tính - 4 (C. Lợi - P.A6)			Cơ sở dữ liệu - 4 (C. Anh - P. A5)		Cơ sở dữ liệu - 3 (C. Trâm - P. 14)
Sáu 19/9	S		Lắp ráp cài đặt - 4 (T. Nghĩa - P. A7)	Khai mô dữ liệu - 4 (T. Bảo - P. A8)		Mạng máy tính - 4 (C. Lợi - P.A6)				Cấu trúc dữ liệu - 4 (T. Hải- P. A5)
	C			Quản lý DAPM - 4 (C. Anh - P. A5)						
Bảy 20/9	S									
	C									
CN 21/9	S									
	C									

Lưu ý: Các phòng học lý thuyết P. 13, P. 14, P. 15 ở Cơ sở 1; riêng Phòng A5, A6, A7, A8 ở Cơ sở 2

II. CÁC LỚP KHÓA 19

Thứ	Lớp Buổi	19DCNTT1	19DCNTT2	19DCNPM
Hai 15/9	S			
	C		KTMT - 4 (T. Hiến - P. 13)	
Ba 16/9	S	KTMT - 4 (T. Hiến - P. 13)	THCB - 4 (C. Trâm - P. 14)	
	C			
Tư 17/9	S	ĐK & BC - 4 (T. Quang)	Toán cao cấp - 4 (T. Hoàn- P. 15)	Toán cao cấp - 4 (T. Minh- P. 13)
	C		ĐK & BC - 4 (T. Quang)	
Năm 18/9	S	Toán cao cấp - 3 (T. Tâm- P. 14)		ĐK & BC - 4 (T. Quang)
	C			KTMT - 4 (T. Hiến - P. 13)
Sáu 19/9	S		ĐK & BC - 4 (T. Quang)	
	C	ĐK & BC - 4 (T. Quang)		THCB - 4 (C. Lợi - P. 15)
Bảy 20/9	S			ĐK & BC - 4 (T. Quang)
	C			
CN 21/9	S			
	C			

Lưu ý: Các phòng học lý thuyết P. 13, P. 14, P. 15 ở Cơ sở 1; riêng Phòng A5, A6, A7, A8 ở Cơ sở 2
Các môn Bóng chuyên, Điền kinh học ở sân trường bên Cơ sở 2

ĐK&BC: Điền kinh & bóng chuyên; KTMT: Kiến trúc máy tính; THCB: Tin học căn bản

Cà Mau, ngày 11 tháng 9 năm 2025

PHỤ TRÁCH KHOA



Huỳnh Huy Tuấn

THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

TT	Họ tên	Số điện thoại	Email
I	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ		
1	Huỳnh Huy Tuấn	0918.670.365	hhtuan@blu.edu.vn
2	Võ Ngọc Lợi	0374.614.988	vnloi@blu.edu.vn
3	Huỳnh Thị Mỹ Trâm	0859.499.755	htmtram@blu.edu.vn
4	Nguyễn Hoàng Hôn	0856.090.121	nhhon@blu.edu.vn
5	Hà Thị Phương Anh	0939.380.382	htpanh@blu.edu.vn
6	Triệu Yến Yến	0919.000.775	tyyen@blu.edu.vn
7	Triệu Vĩnh Viêm	0943.859.909	tvviem@blu.edu.vn
8	Trương Xuân Hạnh	0983.029.077	txhanh@blu.edu.vn
9	Hoàng Ngọc Hiền	0943.008.175	hnkien@blu.edu.vn
10	Tô Khánh Toàn	0949.983.252	tktoan@blu.edu.vn
11	Trần Phước Nghĩa	0983.825.829	tpnghia@blu.edu.vn
12	Tào Thanh Hải	0918.442.636	ttthai@blu.edu.vn
II	Mời giảng		
1	Diệp Thị Hồng Phước	0913.989.693	dthphuoc@blu.edu.vn
2	Nguyễn Khải Hoàn	0919.677.904	nkhoan@blu.edu.vn
3	Nguyễn Hữu Tâm	0946.707.819	nhtam@blu.edu.vn
4	Nguyễn Hùng Vi	0945.778.898	nhvi@blu.edu.vn
5	Đào Thị Thu	0909.137.213	dtthu@blu.edu.vn
6	Nguyễn Vinh Quang	0916.909.737	nvquang@blu.edu.vn
7	Trương Thị Kiều	0944.878.527	ttkieu@blu.edu.vn
8	Phạm Thanh Loan	0982.299.295	ptloan@blu.edu.vn
9	Nguyễn Hiếu Trung	0919.753.783	nhtrung@blu.edu.vn
10	Nguyễn Văn Trọng	0949.119.599	nvtrung@blu.edu.vn
11	Lê Quốc Bảo	0944.683.132	lqb@blu.edu.vn

THÔNG TIN LỚP TRƯỞNG

TT	Lớp	Họ tên		Số điện thoại
1	16DTH1	Trần Quốc Đại		0775.825.544
2	16DTH2	Tô Trung Nhân		0825.143.736
3	16DTH3	Bùi Kiên Nhân		0911.357.371
4	17DCNTT1	Đỗ Quốc Huy		0888.406.610
5	17DCNTT2	Trần Thanh Phong		0823.397.739
6	17DCNPM	Thiếu Thị Mỹ Ngọc		0387.284.547
7	18DCNTT1	Nguyễn Thành Luân		0948000170
8	18DCNTT2	Trần Vũ Duy		0975594796
9	18DCNPM			
10	19DCNTT1			
11	19DCNTT2			
12	19DCNPM			